

Bản án số: 362/2025/HS-PT

Ngày 22 - 7 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Quyên;

Ông Nguyễn Đình Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Hồ Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 127/2025/TLPT-HS ngày 26 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo Vũ Hoài T và các bị cáo khác; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2025/HS-ST ngày 12-02-2025 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5).

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Vũ Hoài T (tên gọi khác: Võ Hoài T1; Ấ), sinh năm 1990 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 075090002167; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Tổ B, Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thanh H và bà Võ Thị N; có vợ tên Hoàng Thị Thu S và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2010/HS-ST ngày 02-3-2010 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, đã xử phạt Vũ Hoài T 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt

từ ngày 31-8-2011, nộp án phí ngày 17-9-2010, về dân sự chưa có tài liệu, chứng cứ; bị cáo bị bắt quả tang ngày 06-4-2024, chuyển tạm giữ, đến ngày 15-4-2024 được tại ngoại; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 113/2025/LCĐKNCT ngày 28-5-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Anh T2, sinh năm 1990 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 075090008333; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Tổ H, Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Thợ hàn; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Q và bà Trần Thị Mộng H1; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 06-4-2024, chuyển tạm giữ, đến ngày 15-4-2024 được tại ngoại; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 114/2025/LCĐKNCT ngày 28-5-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Minh T3, sinh năm 1980 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cước công dân số: 079080025378; nơi đăng ký thường trú: Số D, đường N, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh T4 và bà Lê Thị T5 (tên gọi khác: Lê Thị T6 - đã chết); có vợ tên Hoàng Thị T7 và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 06-4-2024, chuyển tạm giữ, đến ngày 15-4-2024 được tại ngoại; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 115/2025/LCĐKNCT ngày 28-5-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Đình N1, sinh năm 1991 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 075091015615; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Tổ A, Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần K (đã chết) và bà Trương Thị V; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 06-4-2024, chuyển tạm giữ, đến ngày 15-4-2024 được tại ngoại; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 116/2025/LCĐKNCT ngày 28-5-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Tuấn V1, sinh năm 1985 tại Bà Rịa - Vũng Tàu; Căn cước công dân số: 077085007265; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Tổ H, Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu B và bà Lê Thị Kim Á; có vợ tên Bùi Thị Mỹ T8 và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 06-4-2024, chuyển tạm giữ, đến ngày 15-4-2024 được tại ngoại; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 117/2025/LCĐKNCT ngày 28-5-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn L, sinh năm 1983 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 075083012142; nơi đăng ký thường trú: Ấp S, xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: Ấp N, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường H, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị H2; có vợ tên Đỗ Thị Xuân D và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 06-4-2024, chuyển tạm giữ, đến ngày 09-4-2024 được tại ngoại; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 118/2025/LCĐKNCT ngày 28-5-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1992 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 075092016448; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Đường N, Tổ E, ấp S, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân V2 và bà Nguyễn Thị Hoàng H3; có vợ tên Lê Thị Thảo N2 và có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 06-4-2024, chuyển tạm giữ, đến ngày 09-4-2024 được tại ngoại; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 119/2025/LCĐKNCT ngày 28-5-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

8. Lê Quang H4, sinh năm 2001 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 075201008086; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Q1 và bà Nguyễn Thị Bích T9; tiền án:

Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 06-4-2024, chuyển tạm giữ, đến ngày 09-4-2024 được tại ngoại; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 120/2025/LCĐKNCT ngày 28-5-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

9. Bùi Văn C1, sinh năm 1995 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 075095002816; nơi đăng ký thường trú: Đường D, khu tái định cư L, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị D1; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 06-4-2024, chuyển tạm giữ, đến ngày 09-4-2024 được tại ngoại; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 121/2025/LCĐKNCT ngày 28-5-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

10. Phan Tinh P, sinh năm 1990 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 075090015050; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Ngọc Đ1 và bà Hoàng Thị Băng N3; có vợ tên Lê Thị Bảo N4 và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 06-4-2024, chuyển tạm giữ, đến ngày 09-4-2024 được tại ngoại; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 122/2025/LCĐKNCT ngày 28-5-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

11. Nguyễn Ngọc H5, sinh năm 1996 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 075096004246; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Tổ A, Ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Lê Thị S1; có vợ tên Nguyễn Thị T10 và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, tạm giữ ngày 07-4-2024, đến ngày 09-4-2024 được tại ngoại; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 123/2025/LCĐKNCT ngày 28-5-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

12. Nguyễn H6, sinh năm 1999 tại Đồng Nai; Căn cước số: 075099001679; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện C,

tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn X và bà Ngô Thị L1; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đầu thú, tạm giữ ngày 07-4-2024, đến ngày 09-4-2024 được tại ngoại; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 124/2025/LCĐKNCT ngày 28-5-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

13. Võ Tấn T11, sinh năm 1996 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 075096018674; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp C, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Tấn T12 (Võ Tấn T13) và bà Võ Thị Kim H7; có vợ tên Võ Thị Kim H8 và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đầu thú; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 125/2025/LCĐKNCT ngày 28-5-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

14. Mai Văn K1, sinh năm 1994 tại Quảng Ngãi; Căn cước công dân số: 051094007263; nơi đăng ký thường trú: Xóm B, thôn B, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã T, tỉnh Quảng Ngãi); nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn L2 và bà Nguyễn Thị T10; có vợ tên Nguyễn Thị Diễm H9 và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 06-4-2024, chuyển tạm giữ, đến ngày 09-4-2024 được tại ngoại; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 126/2025/LCĐKNCT ngày 28-5-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

15. Huỳnh Như N5, sinh năm 1993 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 075093011046; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Tổ D, Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Như S2 và bà Mai Thị D2; có vợ tên Thái Thị Thu P1 và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 06-4-2024, chuyển tạm giữ, đến ngày 09-4-2024 được tại ngoại; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo

Lệnh số: 127/2025/LCĐKNCT ngày 28-5-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

16. Nguyễn H10, sinh năm 1999 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 075099019483; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Tổ D, Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H11 và bà Nguyễn Thị B1; có vợ tên Nguyễn Thị Thúy D3 và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đầu thú; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 128/2025/LCĐKNCT ngày 28-5-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

17. Nguyễn Văn D4, sinh năm 1992 tại Bà Rịa - Vũng Tàu; Căn cước công dân số: 077092008346; nơi đăng ký thường trú: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H12 và bà Lê Thị M1; có vợ tên Trần Thị Hoài L3 và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 06-4-2024, chuyển tạm giữ, đến ngày 09-4-2024 được tại ngoại; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 129/2025/LCĐKNCT ngày 28-5-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

18. Nguyễn Nhật T14, sinh năm 1991 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 075091026550; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn C2 và bà Lê Thị N6; có vợ tên Nguyễn Thị Nguyệt X1 và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 06-4-2024, chuyển tạm giữ, đến ngày 09-4-2024 được tại ngoại; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 130/2025/LCĐKNCT ngày 28-5-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra, vụ án còn có các bị cáo Hồ Quang T15 và Trần Xuân H13 không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Ngày 06-4-2024, Hồ Quang T15 mang cân, băng keo và phân công Hoàng Văn B2 nhận tiền cá cược của những người đánh bạc đá gà, Võ Tá T16 và Trần Xuân H13 cảnh giới, thu dọn nơi đá gà, chở những người đánh bạc đến địa điểm đánh bạc. Sau đó, T15 đã gọi điện đề rủ, lôi kéo nhiều người có gà đá tham gia đánh bạc từ các địa bàn huyện C, huyện L, huyện T, tỉnh Đồng Nai và những người từ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến tham gia đánh bạc, đá gà tại khu đất rẫy trồng cây điều của ông Lê Văn T17 (thuộc Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Nai).

Hồ Quang T15 là người cân gà xác định trọng lượng và bắt cặp các cặp gà có trọng lượng tương đương; xác định số tiền cá cược các bên; phân định việc thắng thua, tính tiền cá cược của hai bên thông qua Hoàng Văn B2. Các chủ gà sau khi thống nhất số tiền tham gia đánh bạc, sẽ trực tiếp hoặc nhờ người băng cựa gà. Theo thỏa thuận trước khi trận đá gà bắt đầu, thì tổng số tiền đặt cược phải từ 10.000.000 đồng; trong đó, mỗi bên đánh bạc từ 5.000.000 đồng trở lên, những người tham gia đặt cược “hàng sáo” (là những người không phải chủ gà tham gia đánh bạc) thì sẽ thông qua Hoàng Văn B2, để đặt cược hoặc tự đặt cược trực tiếp với nhau (không thông qua chủ gà). Kết thúc trận đá gà, Hoàng Văn B2 sẽ lấy tiền đánh bạc bên thua trả đến bên thắng và thu tiền xâu 05% trên tổng số tiền đánh bạc. Ngày 06-4-2024, Hồ Quang T15 tổ chức 06 lần:

1/ Lần 1: Giữa gà của K2 đá với gà của C3. Thỏa thuận gà của C3 chấp với tỷ lệ 10/8,5 (nghĩa là đặt gà Cậu 1.000.000 đồng, thắng thì được 850.000 đồng nếu thua thì trả đủ 1.000.000 đồng và ngược lại). Tổng số tiền đánh bạc là 20.000.000 đồng, gồm:

- Phía gà của K2 đặt cược 5.000.000 đồng, trong đó xác định được Võ Tấn T11 góp 1.000.000 đồng. K2 còn tham gia đá hàng sáo theo gà của mình số tiền 5.000.000 đồng thông qua B2.

- Phía gà của C3 đặt cược 5.000.000 đồng. B2 còn trực tiếp nhận số tiền 5.000.000 đồng của đối tượng đá hàng sáo không xác định được lý lịch theo gà của C3. Trần Đức H14, sinh năm 1997, ngụ Ấp D, xã T, huyện C tự đặt cược theo gà của C3 với một người (không rõ lý lịch) số tiền 500.000 đồng.

Kết quả: Gà của K2 thắng nên phía của K2 thắng được số tiền 10.000.000 đồng, trong đó T11 thắng được số tiền 950.000 đồng (đã trừ 50.000 đồng tiền xâu đưa cho B2), H14 thua số tiền 500.000 đồng. Tổng số tiền xâu T15 nhận được 500.000 đồng.

2/ Lần 2: Gà của Hắc D5 đá với gà của H10 (chưa rõ lý lịch), thỏa thuận đá đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 25.000.000 đồng, gồm:

- Phía gà của Hắc D5 đặt cược số tiền 12.000.000 đồng, trong đó xác định được Nguyễn Văn D4 góp 1.000.000 đồng, Võ Tấn T11 góp 1.000.000 đồng;

- Phía gà của H10 đặt cược 12.000.000 đồng, trong đó xác định được Nguyễn Hoàng G góp 1.000.000 đồng; Nguyễn Minh T3 tham gia đặt cược 500.000 đồng, bắt hàng sáo thông qua B2 theo gà của H10 với một người thanh niên không rõ lý lịch.

Kết quả: Gà của D5 thắng nên T11, D4 thắng được số tiền 950.000 đồng/người (đã trừ 50.000đ tiền xâu) nhưng chưa lấy tiền từ H15; Phía của H10 thua 12.000.000 đồng, trong đó: Gia thua số tiền 1.000.000 đồng, T3 thua số tiền 500.000 đồng. Tổng số tiền xâu T15 nhận được 625.000 đồng.

3/ Lần 3: Giữa gà của D5 đá với gà của đối tượng H10, thỏa thuận đá đồng. Tổng số tiền đánh bạc 10.000.000 đồng, gồm:

- Phía gà của đối tượng H10 đặt cược 5.000.000 đồng, trong đó xác định được Nguyễn Hoàng G góp 1.000.000 đồng;

- Phía gà của đối tượng H15 đặt cược 5.000.000 đồng, trong đó xác định được Nguyễn Văn D4 góp 1.000.000 đồng, Lưu Nam P2 góp 500.000 đồng.

Kết quả: Gà của H15 thắng nên phía của H15 thắng 5.000.000 đồng, trong đó: D4 thắng được số tiền 950.000 đồng (đã trừ 50.000 đồng tiền xâu), P2 thắng được số tiền 450.000 đồng (đã trừ 50.000 đồng tiền xâu) nhưng chưa lấy được tiền; phía của H10 thua 5.000.000 đồng, trong đó: Gia thua số tiền 1.000.000 đồng. Tổng số tiền xâu T15 nhận được là 250.000 đồng.

4/ Lần 4: Giữa gà của K2 đá với gà của C3. Thỏa thuận gà của C3 chấp thắng thua theo tỉ lệ 10/9 (thắng thì được 900.000 đồng nếu thua thì trả 1.000.000 đồng và ngược lại). Tổng số tiền đánh bạc là 36.000.000 đồng, gồm:

- Phía gà của K2 đặt cược 6.000.000 đồng. Nguyễn Nhật T14 tham gia đặt cược hàng sáo 2.000.000 đồng thông qua B2, theo gà K2 sau đó chia lại cho một người không rõ lý lịch số tiền 1.000.000 đồng;

- Phía gà của C3 đặt cược 6.000.000 đồng. Vũ Hoài T tham gia đánh bạc hàng sáo thông qua B2 số tiền 1.000.000 đồng theo gà của C3. Số tiền còn lại do B2 trực tiếp nhận của người đá hàng sáo không xác định được lý lịch.

Kết quả: Gà của K2 thắng nên phía K2 thắng được số tiền 6.000.000 đồng, T14 thắng được 1.900.000 đồng (đã trừ 100.000 đồng tiền xâu) nhưng chưa lấy tiền từ B2; phía của Cậu thua 6.000.000 đồng; Hoài Tâm thua 1.000.000 đồng. Tổng số tiền xâu T15 nhận được 900.000 đồng.

5/ Lần 5: Giữa gà của Nguyễn Hùng Đ2 với gà của Đ3. Thỏa thuận gà của H10 chấp thắng thua với tỉ lệ 10/9. Tổng số tiền đánh bạc là 24.000.000 đồng, gồm:

- Phía gà của H10 đặt cược 7.000.000 đồng, trong đó: Nguyễn Hiếu góp 4.000.000 đồng, H10 góp 3.000.000 đồng nhưng chia lại cho Lê Quang H4 300.000 đồng. Quéo (không nhân thân) đặt cược 3.000.000 đồng, Võ Tấn T11 đặt cược 2.000.000 đồng, bắt hàng sáo thông qua B2 theo gà của H10.

- Phía gà của Đ3 đặt cược là 7.000.000 đồng. Dịch đặt cược 5.000.000 đồng, bắt hàng sáo thông qua B2 theo gà của Đ3.

Đồng thời, Huỳnh Như N5 và Nguyễn Ngọc H5 tự đặt cược hàng sáo với nhau, không thông qua B2, trong đó: Nam đặt cược 500.000 đồng theo gà của H10, H5 đặt cược 500.000 đồng theo gà của Đ3.

Kết quả: Gà của H10 thắng nên phía H10 thắng được 6.300.000 đồng, trong đó: Hiếu thắng được 3.350.000 đồng (đã trừ 250.000 đồng tiền xâu), H10 thắng được số tiền 2.600.000 đồng (đã trừ 100.000 đồng tiền xâu), H4 thắng được số tiền 270.000 đồng nhưng chưa nhận tiền từ H10; Q2 thắng được số tiền 2.550.000 đồng (đã trừ 150.000 đồng tiền xâu), Tấn T11 thắng được 1.700.000 đồng (đã trừ 100.000 đồng tiền xâu). Đen thua số tiền 6.300.000 đồng, D5 thua số tiền 4.500.000 đồng, N5 thắng được số tiền 450.000 đồng, H5 thua số tiền 450.000 đồng. Tổng số tiền xâu T15, B2 nhận được là 600.000 đồng.

6/ Lần 6: Giữa gà của Võ Tấn T11 đá với gà của Nguyễn Tuấn V1, thỏa thuận đá đồng. Tổng số tiền đánh bạc 29.000.000 đồng, gồm:

- Phía gà của T11 đặt cược 7.000.000 đồng, trong đó: Võ Tấn T11 sử dụng số tiền 7.000.000 đồng nhưng chia lại trong tiền đánh bạc của T11 cho một người đàn ông nhà ở C (không rõ nhân thân) số tiền 2.000.000 đồng, Nguyễn Anh T2 sử dụng số tiền 500.000 đồng theo trong tiền của người ở C. Hoài Tâm sử dụng 2.000.000 đồng, Nguyễn Minh T3 sử dụng 3.000.000 đồng,

Trần Đình N1 sử dụng 500.000 đồng, Huỳnh Như N5 sử dụng 1.000.000 đồng, Nguyễn Ngọc H5 sử dụng 1.000.000 đồng đặt cược hàng sáo thông qua B2 theo gà của T11.

- Phía gà của V1 đặt cược số tiền 7.000.000 đồng, trong đó: Vũ góp 2.000.000 đồng, Nguyễn Long G1 1.000.000 đồng, P góp 1.000.000 đồng, Nguyễn H6 góp 3.000.000 đồng nhưng chia lại cho 02 người (không rõ nhân thân) mỗi người 1.000.000 đồng. Nguyễn Hoàng G sử dụng 1.000.000 đồng, Bùi Văn C1 sử dụng 1.000.000 đồng, Mai Văn K1 sử dụng 1.000.000 đồng đặt cược hàng sáo thông qua B2, còn lại 3.500.000 đồng do B2 nhận trực tiếp của 01 người không xác định được họ tên.

Kết quả: Gà của T11 thắng, gà của V1 thua. Trận đá gà kết thúc thì Công an tỉnh Đ phát hiện bắt quả tang hành vi đánh bạc của các bị cáo.

2. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2025/HS-ST ngày 12-02-2025 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số: 12/2025/TB-TA ngày 21-02-2025 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5), đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Hồ Quang T15, Hoàng Văn B2, Võ Tá T16 và Trần Xuân H13 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”, theo điểm a, c khoản 1, 3 Điều 322 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo T15 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù và phạt bổ sung 30.000.000 đồng; xử phạt bị cáo B2, T16 và H13, mỗi bị cáo 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù và phạt bổ sung mỗi bị cáo 20.000.000 đồng.

- Tuyên bố các bị cáo Vũ Hoài T, Võ Tấn T11, Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Văn D4, Nguyễn H6, Nguyễn Minh T3, Nguyễn H10, Nguyễn Anh T2, Trần Đình N1, Nguyễn Tuấn V1, Nguyễn L, Lê Quang H4, Bùi Văn C1, Phan Tinh P, Nguyễn Ngọc H5, Mai Văn K1, Huỳnh Như N5 và Nguyễn Nhật T14 phạm tội “Đánh bạc”, theo khoản 1, 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt các bị cáo Hoài T và Tấn T11 mỗi bị cáo 10 (mười) tháng tù; các bị cáo G, D4, H6 và T3 mỗi bị cáo 08 (tám) tháng tù; các bị cáo H10, T2, N1, V1, L, H4, C1, P, H5, K1, N5, T14 mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù. Xử phạt bổ sung mỗi bị cáo 10.000.000 đồng.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

3. *Kháng cáo:*

Các bị cáo Hoàng Văn B2, Võ Tá T16, Vũ Hoài T, Võ Tấn T11, Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Văn D4, Nguyễn H6, Nguyễn Minh T3, Nguyễn H10, Nguyễn Anh T2, Trần Đình N1, Nguyễn Tuấn V1, Nguyễn L, Lê Quang H4, Bùi Văn C1, Phan Tĩnh P, Nguyễn Ngọc H5, Mai Văn K1, Huỳnh Như N5 và Nguyễn Nhật T14 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

4. *Rút kháng cáo:*

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Hoàng Văn B2 và Võ Tá T16 rút kháng cáo. Tòa án cấp phúc thẩm đã ban hành Thông báo về việc rút kháng cáo số: 352/2025/TB-TA ngày 27-6-2025.

5. *Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:*

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo tội danh và điều luật bản án sơ thẩm đã nêu là có căn cứ, đúng người, đúng tội và hình phạt là phù hợp.

Đối với bị cáo Vũ Hoài T: Chưa có chứng cứ thể hiện bị cáo đã chấp hành xong Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2010/HS-ST ngày 02-3-2010 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ; do đó, hủy bản án sơ thẩm về phần này, để điều tra lại.

Các bị cáo còn lại kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết nào đặc biệt mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về lý lịch các bị cáo:

Căn cứ Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 06-4-2024 (bút lục số 265); một số bị cáo bị bắt ngày 06-4-2024, bản án sơ thẩm ghi nhận ngày 07-4-2024 là không đúng. Đối với các bị cáo có kháng cáo được điều chỉnh trong bản án phúc thẩm này. Đối với các bị cáo không có kháng cáo (hoặc đã rút kháng cáo), không bị kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm cần sửa chữa, bổ sung bản án cho phù hợp.

Đối với bị cáo **Nguyễn Hoàng G**, sinh năm 1992 tại Đồng Nai. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm, xác định căn cước công dân số: 075092016448, nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú của bị cáo là: Ấp C, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai; tuy nhiên, tra cứu căn cước điện tử, với số định danh

cá nhân của bị cáo là 075092016448, thể hiện nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú của bị cáo là: Đường N, Tổ E, ấp S, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai); do đó, sửa bản án sơ thẩm về phần này.

Đối với bị cáo **Vũ Hoài T** (tên gọi khác: Võ Hoài T1; Ấu): Hồ sơ vụ án chưa thể hiện bị cáo đã chấp hành xong Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2010/HS-ST ngày 02-3-2010 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo không có tiền án là chưa có căn cứ; do đó, hủy bản án sơ thẩm đối với bị cáo này, để điều tra lại.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu; cùng với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Võ Tấn T11, Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Văn D4, Nguyễn H6, Nguyễn Minh T3, Nguyễn H10, Nguyễn Anh T2, Trần Đình N1, Nguyễn Tuấn V1, Nguyễn L, Lê Quang H4, Bùi Văn C1, Phan Tinh P, Nguyễn Ngọc H5, Mai Văn K1, Huỳnh Như N5 và Nguyễn Nhật T14 phạm tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về kháng cáo:

Đối với bị cáo Vũ Hoài T: Do hủy bản án sơ thẩm đối với bị cáo này, nên không xem xét kháng cáo.

3.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Võ Tấn T11, Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Văn D4, Nguyễn H6 và Nguyễn Minh T3 phạm tội nhiều lần. Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

3.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tòa án cấp sơ thẩm xác định: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Nguyễn Anh T2, Trần Đình N1, Nguyễn Tuấn V1, Nguyễn L, Lê Quang H4, Bùi Văn C1, Phan Tinh P, Nguyễn Ngọc H5, Mai Văn K1, Huỳnh Như N5, Nguyễn H10 và Nguyễn Nhật T14 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo H5, H6, Tấn T11 và H10 đầu thú; các bị cáo đang nuôi con nhỏ. Áp dụng điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại cấp phúc thẩm, một số bị cáo cung cấp đơn, tài liệu, được áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, thể hiện các nội dung sau:

1/ Nguyễn H10 có hoàn cảnh khó khăn, không có nhà ở, bản thân bị bệnh lao.

2/ Trần Đình N1 là lao động chính trong gia đình, mẹ bị mất sức lao động, gia đình khó khăn.

3/ Nguyễn Văn D4 gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

4/ Nguyễn Hiếu lao động chính trong gia đình, mẹ bị ung thư, cha bị tai biến, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

5/ Lê Quang H4 là lao động chính trong gia đình, gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

6/ Nguyễn Hoàng G là lao động chính trong gia đình, phải nuôi dưỡng 03 con nhỏ.

7/ Bùi Văn C1 là lao động chính trong gia đình, phải nuôi và chăm sóc mẹ già thường xuyên đau ốm.

8/ Phan Tĩnh P là lao động chính trong gia đình, phải nuôi dưỡng con nhỏ và cha mẹ mất sức lao động, gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

9/ Nguyễn L gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính phải nuôi dưỡng con nhỏ, vợ và cha mẹ già yếu bệnh tật hết khả năng lao động.

10/ Nguyễn Tuấn V1 gia đình có hoàn cảnh khó khăn, phải nuôi dưỡng con nhỏ, vợ và cha mẹ già.

3.3. Về hình phạt:

- Đối với các bị cáo Võ Tấn T11, Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Văn D4, Nguyễn H6 và Nguyễn Minh T3 phạm tội nhiều lần. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Văn D4 và Nguyễn H6 có tình tiết mới, nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt. Các bị cáo Võ Tấn T11 và Nguyễn Minh T3 không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

- Đối với các bị cáo đánh bạc 01 lần như sau: Nguyễn H10 (đánh bạc 2.700.000 đồng, thắng 2.600.000 đồng), Nguyễn Anh T2 (đánh bạc 500.000 đồng, bắt quả tang), Trần Đình N1 (đánh bạc 500.000 đồng, bắt quả tang), Nguyễn Tuấn V1 (đánh bạc 2.000.000 đồng, thua), Nguyễn L (đánh bạc 1.000.000 đồng, thua), Lê Quang H4 (góp đánh bạc 300.000 đồng, thắng nhưng chưa nhận được tiền từ Nguyễn H10), Bùi Văn C1 (đánh bạc 1.000.000 đồng, bắt quả tang), Phan Tĩnh P (đánh bạc 1.000.000 đồng, bắt quả tang), Nguyễn Ngọc H5 (đánh bạc 1.000.000 đồng, bắt quả tang), Mai Văn K1 (đánh bạc

1.000.000 đồng, bắt quả tang), Huỳnh Như N5 (đánh bạc 1.000.000 đồng, bắt quả tang) và Nguyễn Nhật T14 (đánh bạc 2.000.000 đồng, thắng 1.900.000 đồng). Việc các bị cáo đánh bạc là hành vi bộc phát nhất thời và số tiền đánh bạc không lớn; các bị cáo đều có nhân thân tốt; ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có khả năng tự cải tạo; một số bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới nêu trên; xét thấy, việc buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là quá nghiêm khắc và không cần thiết; do đó, chấp nhận kháng cáo, xử phạt tiền cũng đủ răn đe, giáo dục và thu ngân sách Nhà nước. Do xử phạt tiền là hình phạt chính, nên hủy bỏ hình phạt bổ sung của cấp sơ thẩm đối với các bị cáo này.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận, phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo kháng cáo được chấp nhận, không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Chấp nhận một phần quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b, c khoản 1, 2 Điều 355; Điều 356; điểm a, c, d khoản 1 Điều 357; điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Tấn T11 và Nguyễn Minh T3.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Văn D4 và Nguyễn Hiếu .

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn H10, Nguyễn Anh T2, Trần Đình N1, Nguyễn Tuấn V1, Nguyễn L, Lê Quang H4, Bùi Văn C1, Phan Tinh P, Nguyễn Ngọc H5, Mai Văn K1, Huỳnh Như N5 và Nguyễn Nhật T14.

Giữ nguyên một phần và sửa một phần về hình phạt do khách quan, sửa về lý lịch bị cáo do chủ quan, hủy một phần để điều tra lại do chủ quan, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2025/HS-ST ngày 12-02-2025 và Thông báo sửa

chữa, bổ sung bản án số: 12/2025/TB-TA ngày 21-02-2025 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5).

1. Tội danh và hình phạt:

1.1. Đối với các bị cáo Võ Tấn T11, Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Văn D4, Nguyễn H6 và Nguyễn Minh T3:

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt các bị cáo sau đây về tội “Đánh bạc”:

1/ Xử phạt bị cáo Võ Tấn T11 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày người bị kết án Võ Tấn T11 vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù.

Xử phạt bổ sung, buộc bị cáo Võ Tấn T11 phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), sung vào công quỹ Nhà nước.

2/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng G 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày người bị kết án Nguyễn Hoàng G vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù; được trừ vào thời gian bị bắt quả tang, tạm giữ, từ ngày 06-4-2024 đến ngày 09-4-2024.

Xử phạt bổ sung, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng G phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), sung vào công quỹ Nhà nước.

3/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D4 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày người bị kết án Nguyễn Văn D4 vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù; được trừ vào thời gian bị bắt quả tang, tạm giữ, từ ngày 06-4-2024 đến ngày 09-4-2024.

Xử phạt bổ sung, buộc bị cáo Nguyễn Văn D4 phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), sung vào công quỹ Nhà nước.

4/ Xử phạt bị cáo Nguyễn H6 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày người bị kết án Nguyễn H6 vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù; được trừ vào thời gian bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, từ ngày 07-4-2024 đến ngày 09-4-2024.

Xử phạt bổ sung, buộc bị cáo Nguyễn H6 phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), sung vào công quỹ Nhà nước.

5/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T3 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày người bị kết án Nguyễn Minh T3 vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt

tù; được trừ vào thời gian bị bắt quả tang, tạm giữ, từ ngày 06-4-2024 đến ngày 15-4-2024.

Xử phạt bổ sung, buộc bị cáo Nguyễn Minh T3 phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), sung vào công quỹ Nhà nước.

1.2. Đối với các bị cáo Nguyễn H10, Nguyễn Anh T2, Trần Đình N1, Nguyễn Tuấn V1, Nguyễn L, Lê Quang H4, Bùi Văn C1, Phan Tĩnh P, Nguyễn Ngọc H5, Mai Văn K1, Huỳnh Như N5 và Nguyễn Nhật T14:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo sau đây về tội “Đánh bạc”, sung vào công quỹ Nhà nước:

1/ Xử phạt bị cáo Nguyễn H10 phải nộp 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

2/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật T14 phải nộp 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

3/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn V1 phải nộp 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

4/ Xử phạt bị cáo Nguyễn L phải nộp 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

5/ Xử phạt bị cáo Bùi Văn C1 phải nộp 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

6/ Xử phạt bị cáo Phan Tĩnh P phải nộp 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

7/ Xử phạt bị cáo Mai Văn K1 phải nộp 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

8/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T2 phải nộp 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

9/ Xử phạt bị cáo Trần Đình N1 phải nộp 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

10/ Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H5 phải nộp 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

11/ Xử phạt bị cáo Huỳnh Như N5 phải nộp 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

12/ Xử phạt bị cáo Lê Quang H4 phải nộp 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 3 Điều 32 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Hủy bỏ hình phạt bổ sung của bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo: Nguyễn H10, Nguyễn Anh T2, Trần Đình N1, Nguyễn Tuấn V1, Nguyễn L, Lê Quang H4, Bùi Văn C1, Phan Tinh P, Nguyễn Ngọc H5, Mai Văn K1, Huỳnh Như N5 và Nguyễn Nhật T14.

2. Hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm:

- Hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm đã giải quyết đối với bị cáo Vũ Hoài T.

- Chuyển toàn bộ hồ sơ đến Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, để điều tra lại đối với bị cáo Vũ Hoài T theo thủ tục chung.

3. Về án phí:

- Buộc các bị cáo Võ Tấn T11 và Nguyễn Minh T3, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Văn D4, Nguyễn H6, Nguyễn H10, Nguyễn Anh T2, Trần Đình N1, Nguyễn Tuấn V1, Nguyễn L, Lê Quang H4, Bùi Văn C1, Phan Tinh P, Nguyễn Ngọc H5, Mai Văn K1, Huỳnh Như N5 và Nguyễn Nhật T14 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo (18);
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân khu vực 5;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 (kèm hồ sơ vụ án);
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành

Đồng Nai;

- Công an các xã Xuân Đường, Long Thành và Phước Thái, tỉnh Đồng Nai;
- Công an các xã Bàu Lâm và Nghĩa Thành, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an xã Thiện Tín, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu: Hồ sơ vụ án và Văn phòng ⁽³⁷⁾.